



MARKET LENS

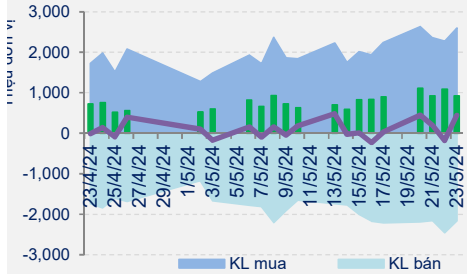
Phiên giao dịch ngày: 23/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

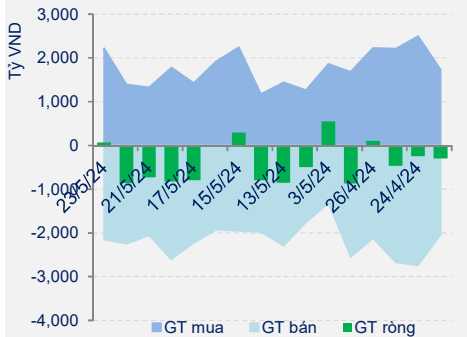
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,281.03	246.91
% Thay đổi	↑ 1.11%	↑ 0.72%
KLGD (CP)	922,765,418	104,551,311
GTGD (tỷ đồng)	23,268.25	2,216.83
Tổng cung (CP)	2,159,634,982	165,149,800
Tổng cầu (CP)	2,598,427,255	169,429,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	100,795,010	1,655,234
KL mua (CP)	103,776,504	1,259,287
GT mua (tỷ đồng)	2,222.98	40.34
GT bán (tỷ đồng)	2,152.50	40.84
GT ròng (tỷ đồng)	70.48	(0.50)

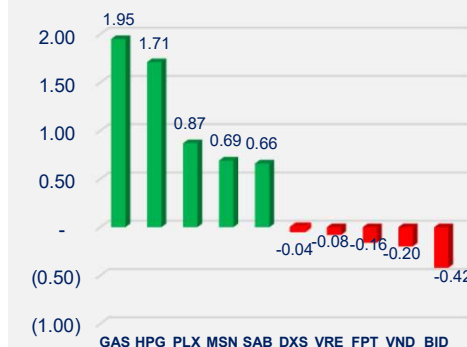
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 03 phiên liên tiếp chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự quanh 1.282 điểm. VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục chịu áp lực bán điều chỉnh mạnh hơn về gần vùng giá cao nhất năm 2023 và phục hồi rất tốt trở lại khi lực cầu, dòng tiền ngắn hạn vẫn đang luân chuyển tốt giữa các nhóm mã. Kết phiên VN-INDEX tăng tốt 14,12 điểm (+1,11%) lên mức 1.281,03 điểm, mở ra kỳ vọng vượt lên vùng kháng cự mạnh để hướng đến vùng giá quanh 1.300 điểm. HNX-INDEX vẫn duy trì tích cực tăng 1,76 điểm (+0,72%) lên mức 246,91 điểm, vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh 245 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch tích cực trở lại với 369 mã tăng (14 mã tăng trần), 223 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 136 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 25.473,55 tỷ đồng được giao dịch, giảm 17,20% so với phiên trước, trên mức trung bình. Thị trường phục hồi tốt với nhiều mã, nhóm mã tăng giá mạnh đột biến, trong khi các mã điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình. Khối ngoại sau giai đoạn bán ròng mạnh liên tiếp, mua ròng nhẹ trở lại với giá trị 69,83 tỷ đồng trên sàn HOSE; bán ròng trên HNX với giá trị 0,5 tỷ đồng.

Theo theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính đến trung tuần tháng 5/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt 270,82 tỷ USD, cán cân thương mại thặng dư 6,36 tỷ USD. Trong đó từ đầu tháng 5 đến ngày 15/5, xuất khẩu hàng hóa cả nước đạt 14,64 tỷ USD. Tính chung từ đầu năm đến 15/5, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 138,59 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ 2023. Ở chiều ngược lại, từ đầu tháng 5 đến ngày 15/5, nhập khẩu hàng hóa đạt 17,26 tỷ USD. Lũy kế từ đầu năm đến 15/5, tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước đạt 132,23 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường phục hồi tốt với rất nhiều mã/nhóm mã có diễn biến rất tích cực, tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến vượt các vùng giá đỉnh gần nhất, nổi bật ở nhóm cổ phiếu bảo hiểm như BMJ (+6,95%), BVH (+6,95%), MIG (+6,84%), BIC (+4,84%)... Các cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến tăng giá vượt trội ở nhiều mã, thanh khoản gia tăng mạnh nổi bật với CNG (+6,90%), PLX (+6,90%), BSR (+4,17%), OIL (+3,77%)... ngoài cả mã chịu áp lực điều chỉnh như VIP (-1,56%), PPT (-0,85%)...

Nhóm cổ phiếu xây lắp điện, điện cũng có diễn biến tăng giá tốt từ đầu phiên, nhiều mã vượt đỉnh gần nhất với thanh khoản rất đột biến, tích cực như PC1 (+5,19%), NT2 (+4,74%), REE (+3,89%), QTP (+3,01%)... các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến rất tích cực với NTP (+9,83%), C4G (+3,92%), DPG (+3,15%), BMP (+2,19%)...

Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến tích cực, đa số phục hồi tăng giá mạnh sau áp lực điều chỉnh, thanh khoản cải thiện với VGC (+2,76%) DTD (+2,66%), LHG (+1,99%), KBC (+1,94%)... trong khi các cổ phiếu bất động sản có diễn biến phân hóa kém tích cực hơn, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình như NHA (-3,89%), FIR (-2,59%), HPX (-2,16%), DXG (-0,57%)... ngoài các mã tăng giá mạnh như CSC (+9,85%), PXL (+8,90%), QCG (+3,38%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau áp lực điều chỉnh đã phục hồi khá tốt trở lại, là động lực hỗ trợ VN30 quay trở lại vùng đỉnh tháng 03/2024 với STB (+1,96%), ACB (+1,79%), HDB (+1,44%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như KLB (-6,25%), VAB (-3,92%)..

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 7,8 điểm (+0,60%), chênh lệch âm giá tăng -4,76 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 3,23% so với phiên trước, trên mức trung bình cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên tăng khi VN30 biến động mạnh. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 tích lũy với vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.285 điểm, kháng cự vùng đỉnh giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.305 điểm. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -16,66 điểm đến -3,76 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch mở rộng âm, cho thấy các trader đang gia tăng phòng ngừa rủi ro ngắn hạn với VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX phục hồi sau 03 phiên chịu áp lực điều chỉnh khi gặp vùng kháng cự mạnh 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng với vùng điểm số trước khi giảm mạnh cũng như vùng giá cao nhất tháng 09/2022. Đóng cửa VN-INDEX tăng 14,12 điểm (1,11%) lên 1.281,03 điểm.

Trong ngắn hạn, VN-INDEX duy trì xu hướng phục hồi tốt sau khi vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm - 1.300 điểm và hiện đang thử thách lại vùng kháng cự 1.282 điểm - 1.287 điểm. Thị trường vẫn luân phiên phục hồi với các mã/ nhóm mã chưa tăng nhiều, có vùng giá dưới hay tương đương VN-INDEX 1.250 điểm.

Trong trung hạn VN-INDEX đã trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh. Trong ngắn hạn VN-INDEX đang phục hồi tốt như chúng tôi kỳ vọng và khi VN30 có thể vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh vùng 1.307 điểm thì VN-INDEX cũng kỳ vọng vượt vùng giá quanh 1.282 điểm tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh 15/04/2024, để hướng đến vùng giá 1.300 điểm.

VN-INDEX đang có diễn biến rung lắc như dự kiến sau khi vượt lên kháng cự mạnh 1.250 điểm với đặc điểm thị trường ngắn hạn là đang luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm. Thị trường vẫn đang duy trì những vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	39.1	33-34	40-42	32	16.9	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
VEA	41.31	37.5-38.6	46-47	35	8.7	-11.0%	4.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	22.35	19-20	26-28	18	8.6	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	20.30	18-18.6	21.5-22	17	12.1	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.90	32	38-39	34	12.2%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	37.00	32.2	40-41	35	14.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.15	14.2	18-18.5	16.4	20.8%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	41.00	36.8	43-44	39	11.4%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.60	28.75	32-33	30	9.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	137.50	114.2	145-150	132	20.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**NHNN đồng loạt tăng lãi suất OMO và tín phiếu phiên 22/5**

Phiên giao dịch 22/5 chứng kiến diễn biến đáng chú ý trên thị trường tiền tệ, khi NHNN cho 9 thành viên thị trường vay gần 25.000 tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4,5%/năm. So với phiên trước đó, quy mô cho vay OMO của NHNN đã tăng gấp hơn 9 lần và lãi suất cho vay đã tăng thêm 0,25 điểm %, từ 4,25%/năm lên 4,5%/năm. Đây là lần thứ hai NHNN tăng lãi suất OMO trong vòng 1 tháng qua. Trước đó, cơ quan này cũng đã tăng lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá từ 4% lên 4,25%/năm trong phiên 23/4. Cũng trong phiên hôm nay, NHNN đã phát hành 650 tỷ đồng tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày, với lãi suất trúng thầu đã tăng từ 3,9%/năm trong phiên trước đó lên 4%/năm.

Vàng trong nước tiếp tục "lao dốc" sau phiên đấu thầu

Chiều 23-5, sau khi NHNN công bố kết quả đấu thầu vàng, giá vàng trong nước tiếp đà "lao dốc" cùng với xu hướng giảm của giá vàng thế giới. Sau phiên đấu thầu, có 11 thành viên trúng thầu với tổng khối lượng trúng thầu là 13.400 lượng vàng. Giá trúng thầu cao nhất là 88,73 triệu đồng/lượng, giá trúng thầu thấp nhất là 88,72 triệu đồng/lượng. Đây là phiên thứ hai có số lượng thành viên trúng thầu cao nhất, nhưng là phiên đầu tiên có khối lượng vàng trúng thầu cao nhất, vượt qua kỷ lục 12.300 lượng của phiên 16-5. Diễn biến của thị trường vàng trong nước trước và sau phiên đấu thầu vàng hôm nay cũng tương tự như phiên đấu thầu vàng ngày 21-5, khi cả trước và sau đấu thầu, giá vàng đều xu hướng giảm.

Tỷ giá USD vẫn 'căng' dù NHNN đã bán can thiệp

Hôm nay (23/5), NHNN công bố tỷ giá trung tâm ở mức 24.258 VND/USD, tăng 4 đồng so với mức niêm yết hôm qua. Đây là phiên điều chỉnh tăng tỷ giá trung tâm thứ tư liên tiếp của NHNN với tổng mức tăng là 19 đồng. Trong khi đó, giá bán USD can thiệp tiếp tục được NHNN giữ ở mức 25.450 VND/USD. Với biên độ áp dụng biên 5%, hiện tỷ giá USD các NHTM được phép giao dịch dao động trong khoảng 23.045 - 25.471 VND/USD. Trên thị trường ngân hàng, giá bán USD tại các nhà băng trong sáng nay tiếp tục được điều chỉnh tăng theo biến động của tỷ giá trung tâm, lên sát trần cho phép. Theo đó, đa số ngân hàng đều tăng giá bán USD lên mức 25.470 VND/USD, chỉ kém trần cho phép 1 đồng.

Hoàn thiện hành lang pháp lý, hướng đến xã hội không tiền mặt

Ông Nguyễn Quang Minh - Tổng Giám đốc CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) cho biết, độ phủ thẻ tín dụng của Việt Nam còn khá khiêm tốn. Thẻ tín dụng nội địa, bản chất các ngân hàng Việt Nam đã phát hành rất lâu, nhưng thẻ tín dụng nội địa dùng bộ chip do NHNN ban hành từ năm 2021. Trong khoảng 3 năm phát triển, tốc độ phát hành thẻ tín dụng nội địa ở mức tương đối cao so với mặt bằng chung thị trường. Tuy nhiên so với dung lượng thị trường còn hết sức khiêm tốn. Điều kiện phát hành sản phẩm là sản phẩm thuần Việt, và các ngân hàng là thành viên của NAPAS đã phát triển thẻ tín dụng với biểu phí rất đơn giản so với thẻ tín dụng của các tổ chức quốc tế có biểu phí rất phức tạp. Thủ tục phát hành đơn giản, điều kiện ràng buộc gần như không có. Đây là điều kiện cho các ngân hàng phát hành thẻ tín dụng để người dân tiếp cận dễ dàng hơn, với chi phí hợp lý hơn.

TIN DOANH NGHIỆP**IDICO (IDC) chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 25%**

Ngày 4/6 tới đây, Tổng công ty IDICO (IDC) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức, tỷ lệ 25% bằng tiền. Theo đó, Công ty sẽ trả cổ tức đợt 3/2023 với tỷ lệ 5% và tạm ứng cổ tức đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 3/6 và thời gian thanh toán cổ tức dự kiến 19/6. Với xấp xỉ 330 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, IDICO sẽ phải chi tương ứng khoảng 825 tỷ đồng để chia cổ tức. Trong đó, CTCP Tập đoàn S.S.G là cổ đông lớn nhất đang nắm 74,25 triệu cổ phiếu IDC, tương ứng tỷ lệ 22,5%, sẽ nhận về hơn 185,6 tỷ đồng cổ tức tại IDICO; tiếp theo là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt nắm giữ 39,36 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 11,9% vốn tại IDC sẽ thu về khoảng 98,4 tỷ đồng. Năm 2024, Công ty dự kiến cũng duy trì tỷ lệ chia cổ tức 40%, đồng thời lên kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu doanh thu dự kiến đạt 8.466 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 2.502 tỷ đồng.

ĐHĐCĐ Lọc hoá Dầu Bình Sơn (BSR): Đang xây dựng phương án tăng vốn lên 50.000 tỷ đồng

Sáng 23/5/2024, CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2024. Năm 2024, nhà máy lọc dầu Dung Quất thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5), do đó, BSR đặt mục tiêu sản lượng sản xuất đạt 5.728 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 5.660 tỷ đồng. Về chỉ tiêu kinh doanh, Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 95.274 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.148 tỷ đồng. Về Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, ông Bùi Ngọc Dương, TGD BSR cho biết, việc tiếp cận vốn cho dự án đang khó khăn vì lãi vay đang rất cao. Do vậy, doanh nghiệp đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ 31.000 tỷ đồng lên 50.000 tỷ đồng (dự kiến tăng vốn dưới phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu).

PMC chốt quyền chia cổ tức còn lại năm 2023 tỷ lệ 41%

CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PMC) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/05/2024. Với tỷ lệ thực hiện 41% (1 cp nhận 4,100 đồng) và hơn 9.3 triệu cp đang lưu hành, ước tính PMC sẽ chi hơn 38 tỷ đồng chia cổ tức còn lại năm 2023 cho cổ đông. Ngày thanh toán dự kiến 17/06/2024. Ban đầu, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt của PMC được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua ở mức 24%/vốn điều lệ. Tuy nhiên, HĐQT Công ty đã trình ĐHĐCĐ năm 2024 và được thông qua việc tăng tỷ lệ chia cổ tức bổ sung cho năm 2023 thêm 41%/vốn điều lệ. Do đó, tỷ lệ cổ tức tiền mặt cho cả năm 2023 là 65%/mệnh giá, tương ứng gần 61 tỷ đồng.

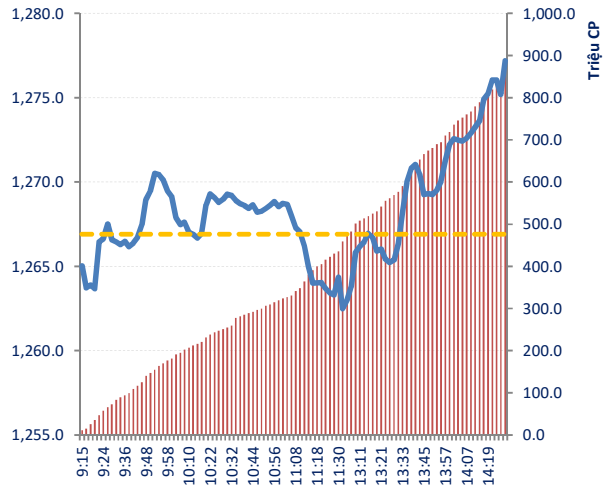
Nhiệt điện Phả Lại (PPC) lên kế hoạch lãi năm 2024 tăng 11,7%, lên 427,25 tỷ đồng

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (PPC) công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2024, Đại hội tổ chức ngày 10/6 tại tỉnh Hải Dương. Trong năm 2024, Nhiệt điện Phả Lại đặt kế hoạch doanh thu 8.755,6 tỷ đồng, tăng 39,4% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế 427,25 tỷ đồng, tăng 11,7% so với thực hiện trong năm 2023, và kế hoạch sửa chữa lớn 487,85 tỷ đồng. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, trong năm 2023, Nhiệt điện Phả Lại trình cổ đông trả cổ tức tỷ lệ 27,75% (đã tạm ứng 21,5% và chỉ còn 6,25%, tương ứng tổng số tiền là hơn 200 tỷ đồng). Bước sang năm 2024, mức cổ tức dự kiến với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 21/5, cổ phiếu PPC đóng cửa giá tham chiếu 15.900 đồng/cổ phiếu.

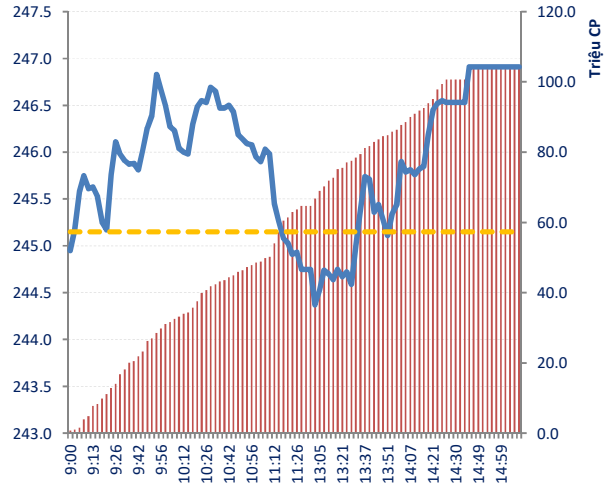


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

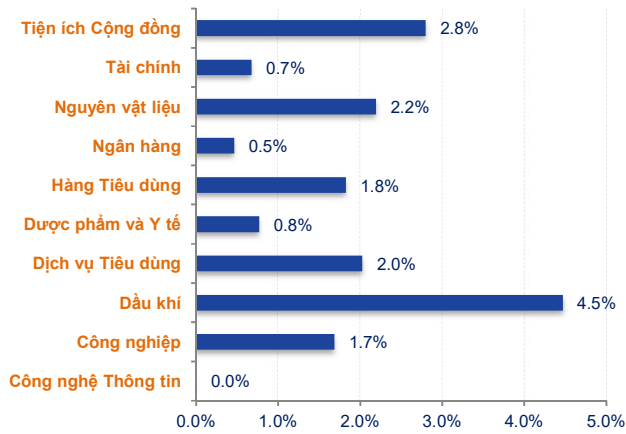
KLGD và VN-Index trong phiên



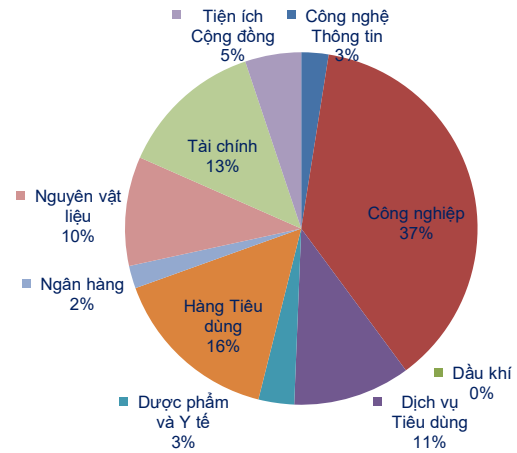
KLGD và HNX-Index trong phiên



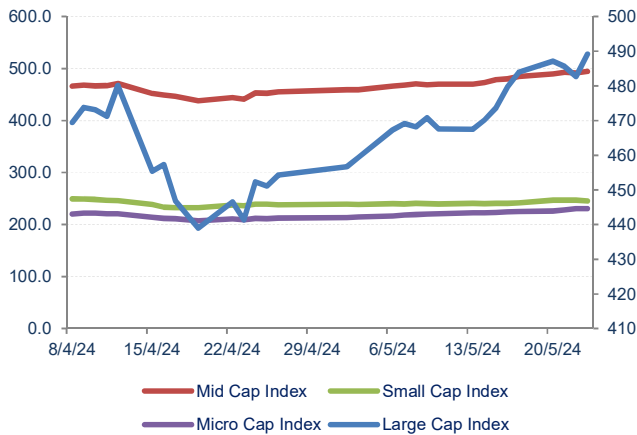
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



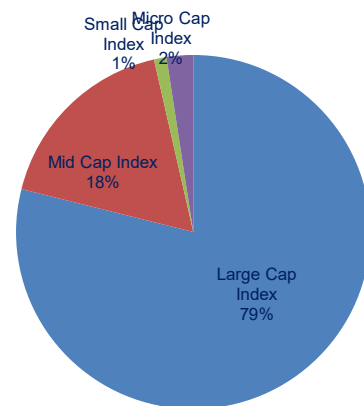
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DBC	2,843,296	VND	3,266,900	1	MBS	356,200	HUT	251,300
2	HPG	2,727,433	DXS	2,020,800	2	PLC	136,600	SHS	164,430
3	PC1	2,655,400	VHM	2,020,146	3	DTD	97,600	IDC	129,783
4	FUEVFNVD	1,919,300	FPT	1,372,915	4	TNG	94,800	VFS	88,600
5	HVN	1,686,272	BCG	1,119,780	5	PVB	27,800	CEO	85,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FUEKIV30	8.58	8.55	↓ -0.35%	44,426,500	SHS	19.30	19.40	↑ 0.52%	21,248,924
HPG	31.30	29.50	↓ -5.75%	39,455,295	PVS	45.00	45.80	↑ 1.78%	7,282,143
VND	21.30	20.60	↓ -3.29%	37,899,500	HUT	18.20	18.60	↑ 2.20%	5,816,248
LPB	23.25	23.30	↑ 0.22%	37,323,000	MBS	32.70	33.20	↑ 1.53%	5,019,434
SHB	11.65	11.75	↑ 0.86%	30,264,200	CEO	19.20	19.20	→ 0.00%	4,716,334

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VAF	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%	CSC	32.50	35.70	3.20	↑ 9.85%
ASP	4.30	4.60	0.30	↑ 6.98%	NTP	53.90	59.20	5.30	↑ 9.83%
BMI	24.45	26.15	1.70	↑ 6.95%	ARM	30.80	33.80	3.00	↑ 9.74%
BVH	41.70	44.60	2.90	↑ 6.95%	API	7.90	8.60	0.70	↑ 8.86%
PLP	4.60	4.92	0.32	↑ 6.96%	BVS	42.70	46.40	3.70	↑ 8.67%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	37.00	34.45	-2.55	↓ -6.89%	NHC	33.00	29.70	-3.30	↓ -10.00%
SMA	10.20	9.50	-0.70	↓ -6.86%	DC2	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
HPG	31.30	29.50	-1.80	↓ -5.75%	BXH	26.60	24.00	-2.60	↓ -9.77%
LEC	6.00	5.75	-0.25	↓ -4.17%	ATS	13.70	12.40	-1.30	↓ -9.49%
NHA	29.60	28.45	-1.15	↓ -3.89%	SFN	21.70	20.10	-1.60	↓ -7.37%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEKIV30	44,426,500	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	39,455,295	9.2%	1,601	19.6	1.7
VND	37,899,500	15.6%	2,057	10.4	1.5
LPB	37,323,000	21.6%	2,914	8.0	1.6
SHB	30,264,200	15.6%	2,151	5.4	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	21,248,924	5.7%	688	28.1	1.5
PVS	7,282,143	7.1%	1,992	22.6	1.5
HUT	5,816,248	0.7%	97	187.1	1.4
MBS	5,019,434	13.0%	1,475	22.2	2.7
CEO	4,716,334	2.8%	365	52.7	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VAF	↑ 7.0%	12.0%	1,560	9.2	1.0
ASP	↑ 7.0%	-1.0%	(125)	-	0.4
BMI	↑ 7.0%	0.0%	-	-	1.1
BVH	↑ 7.0%	0.4%	119	351.1	1.4
PLP	↑ 7.0%	-11.9%	(1,380)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CSC	↑ 9.8%	5.6%	1,473	22.1	1.2
NTP	↑ 9.8%	17.6%	4,245	12.7	2.2
ARM	↑ 9.7%	12.3%	1,483	21.4	2.6
API	↑ 8.9%	-6.9%	(772)	-	0.7
BVS	↑ 8.7%	9.6%	3,090	13.8	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	2,843,296	8.9%	1,729	19.9	1.8
HPG	2,727,433	9.2%	1,601	19.6	1.7
PC1	2,655,400	2.8%	651	42.9	1.2
FUEVFVND	1,919,300	N/A	N/A	N/A	N/A
HVN	1,686,272	0.0%	(642)	-	-

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	356,200	13.0%	1,475	22.2	2.7
PLC	136,600	6.9%	1,112	26.5	1.8
DTD	97,600	11.0%	2,729	12.4	1.3
TNG	94,800	12.5%	1,981	12.9	1.6
PVB	27,800	8.4%	1,437	21.0	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	506,931	20.0%	5,838	15.5	2.9
BID	283,882	18.1%	3,841	13.0	2.2
HPG	182,003	9.2%	1,601	19.6	1.7
CTG	177,210	16.2%	3,751	8.8	1.4
GAS	175,930	16.4%	4,688	16.3	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,508	7.1%	1,992	22.6	1.5
IDC	20,988	31.7%	5,880	10.8	3.2
HUT	16,244	0.7%	97	187.1	1.4
SHS	15,694	5.7%	688	28.1	1.5
MBS	14,311	13.0%	1,475	22.2	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	2.66	1.4%	144	63.9	0.9
AGM	2.46	-163.0%	(11,336)	-	12.7
NHA	2.44	4.0%	406	72.9	2.8
KSB	2.32	3.6%	1,008	22.1	1.0
FTS	2.24	14.8%	1,772	26.4	3.7

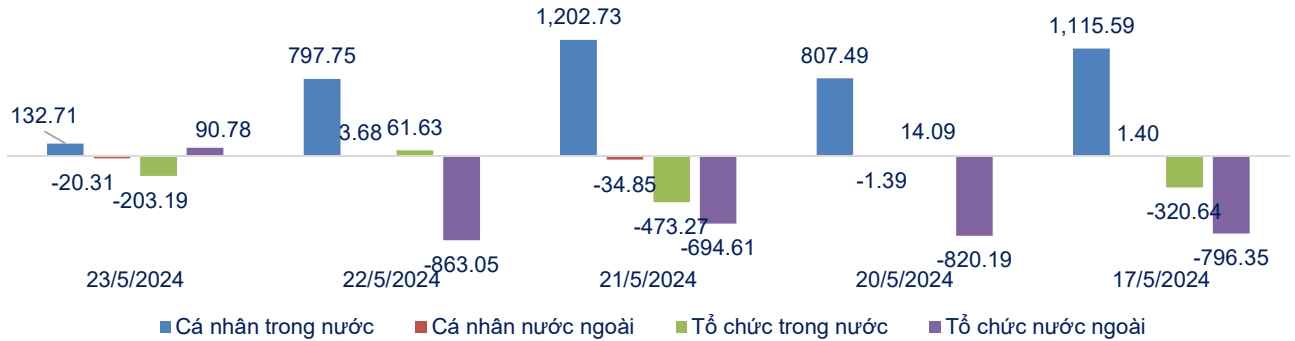
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.09	9.2%	1,214	24.3	2.3
API	3.06	-6.9%	(772)	-	0.7
IDJ	2.84	5.0%	584	12.3	0.6
TKG	2.67	2.9%	294	18.4	0.5
DTD	2.48	11.0%	2,729	12.4	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	173.09	22.8%	5,338	25.9	5.5
VHM	89.15	12.1%	5,074	8.0	0.9
VND	75.03	15.6%	2,057	10.4	1.5
GAS	51.74	16.4%	4,688	16.3	2.6
VJC	51.63	4.9%	1,404	77.7	3.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	-85.52	8.8%	2,061	16.0	1.3
PC1	-57.35	2.8%	651	42.9	1.2
VPB	-53.17	8.9%	1,525	12.0	1.0
PNJ	-53.02	20.2%	5,949	16.5	3.1
NLG	-47.60	3.0%	1,041	43.3	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	7.23	8.9%	1,525	12.0	1.0
STB	3.96	17.7%	4,206	6.7	1.1
BCM	1.90	13.3%	2,384	26.5	3.3
SZC	1.71	13.6%	2,234	19.0	2.6
CTG	1.47	16.2%	3,751	8.8	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-14.16	15.6%	2,057	10.4	1.5
DXG	-4.28	2.1%	480	36.5	0.8
GEX	-3.77	2.5%	625	36.3	0.9
VIX	-2.80	12.8%	1,670	10.9	1.4
DIG	-2.76	-0.3%	(38)	-	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	81.28	8.8%	2,061	16.0	1.3
HSG	38.12	8.1%	1,423	15.4	1.2
VPB	31.58	8.9%	1,525	12.0	1.0
DPM	31.35	4.5%	1,372	26.2	1.2
GMD	26.63	26.2%	8,463	9.9	2.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-130.62	9.2%	1,601	19.6	1.7
FUEVFVND	-66.99	N/A	N/A	N/A	N/A
VJC	-60.05	4.9%	1,404	77.7	3.7
DBC	-59.24	8.9%	1,729	19.9	1.8
MWG	-58.39	4.4%	717	85.1	3.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	99.86	8.9%	1,729	19.9	1.8
HPG	82.63	9.2%	1,601	19.6	1.7
MWG	81.15	4.4%	717	85.1	3.4
PC1	76.91	2.8%	651	42.9	1.2
FUEVFVND	61.39	N/A	N/A	N/A	N/A

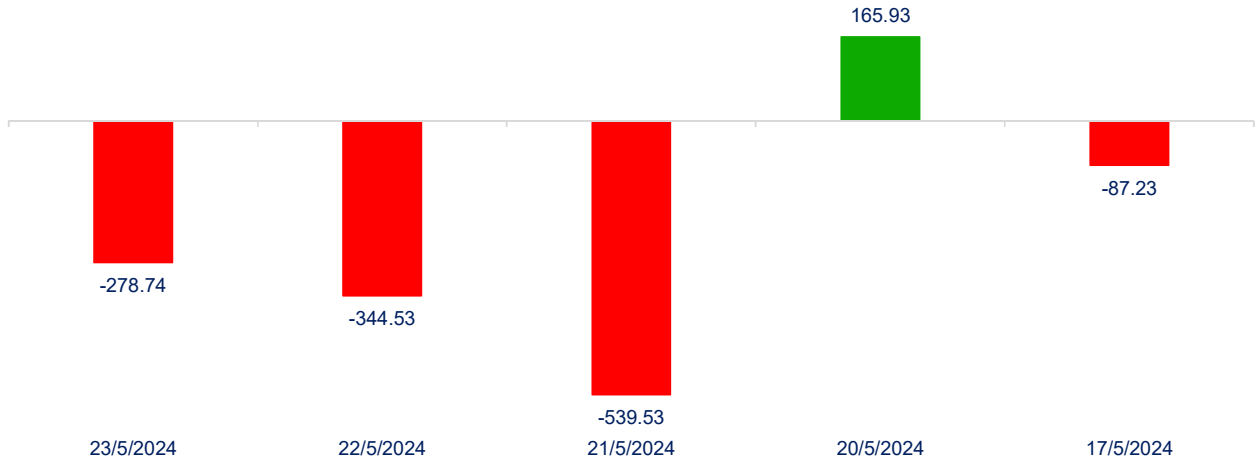
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-187.15	22.8%	5,338	25.9	5.5
VHM	-82.00	12.1%	5,074	8.0	0.9
VND	-53.43	15.6%	2,057	10.4	1.5
GAS	-37.75	16.4%	4,688	16.3	2.6
MSN	-35.64	0.8%	215	344.2	2.3

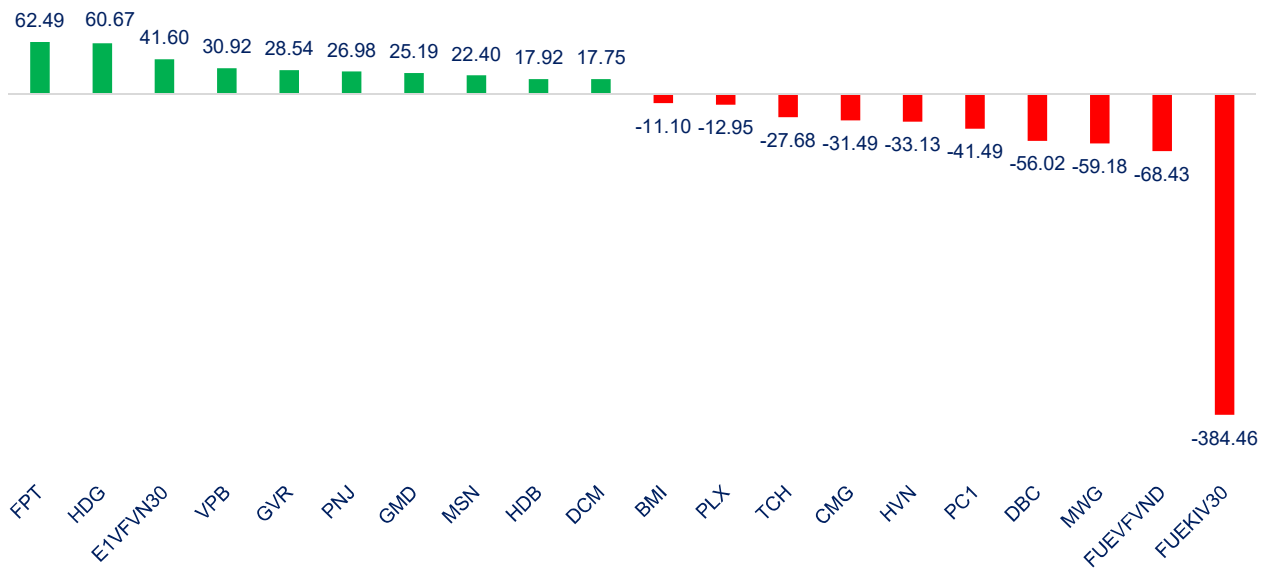


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
